

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 3 - 2023
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ - TỈNH HẬU GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lữ Thành Đồng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Út

Ông Danh Lươl

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Ngân T, sinh năm: 2004 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp 5, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Nguyễn Vũ L, sinh năm: 1992 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp 6, xã Th, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Huỳnh Thị Ngân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Tuy nhiên, chưa hoàn tất thủ tục đăng ký kết hôn, cũng như chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, hai bên không tìm được tiếng nói chung, anh L thường xuyên ngược đãi và đánh đập chị T. Vợ chồng anh chị ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay. Hiện chị T không còn tình cảm gì với anh L, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 01 con chung là Lê Mỹ Tr (nữ) sinh ngày 25/01/2022, cháu hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Có số nữ tra ng ngày cưới là 6,5 chỉ vàng 24K (loại 98%), hiện anh L đang giữ. Chị T yêu cầu được sở hữu số nữ trang này.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Lê Nguyễn Vũ L trình bày:

Anh L thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, cũng như con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Theo anh L thì nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T không quan tâm những người xung quanh, tính tình ngan bướng. Anh chị cũng nhiều lần hàn gắn lại với nhau cùng xây dựng gia đình, nhưng ngày càng phát sinh nhiều mâu thuẫn làm cho cuộc sống hôn nhân của anh chị không thể tiếp tục sống chung, anh không còn cảm thấy hạnh phúc cho cuộc sống hôn nhân.

Về quan hệ hôn nhân: anh L đồng ý ly hôn.

Về con chung: Yêu cầu được nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng

Về tài sản chung: Có 6,5 chỉ vàng 24K (loại 98%) hiện anh L đang giữ. Anh L không đồng ý giao lại cho chị Ngân T, anh L yêu cầu để lại cho con.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ trình bày quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh L. Về con chung: giao cháu Lê Mỹ Tr (nữ) sinh ngày 25/01/2022 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh L có nghĩa vụ

cấp dưỡng cho cháu Lê Mỹ Tr mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Chị T được sở hữu 03 chỉ 02 phân 05 ly vàng 24K (loại 98%), anh L được sở hữu 03 chỉ 02 phân 05 ly vàng 24K (loại 98%). Anh L có trách nhiệm giao lại cho chị T 03 chỉ 02 phân 05 ly vàng 24K (loại 98%). Về nợ chung: không có, nên không xem xét. Về án phí: Các đương sự phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá và nhận định về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh Thị Ngân T yêu cầu ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” được Luật Hôn nhân và gia đình điều chỉnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Ngân T thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Ngân T và anh Lê Nguyễn Vũ L tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Tuy nhiên, chưa hoàn tất thủ tục đăng ký kết hôn, cũng như chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Căn cứ theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của anh chị không được xem là hôn nhân hợp pháp nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại phiên tòa chị T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh L. Nhận thấy chị T và anh L đã có thời gian mâu thuẫn và ly thân kéo dài từ đầu năm 2022 cho đến nay, nhưng anh chị không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh L theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh L cùng thống nhất có 01 con chung, tên Lê Mỹ Tr (nữ), sinh ngày 25/01/2022, hiện đang sống với chị T. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị T và anh L, hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi sinh ra thì cháu Lê Mỹ Tr sống chung với vợ chồng anh chị nhưng từ khi anh chị không còn sống chung với nhau thì cháu sống với chị T. Hơn nữa, cháu Lê Mỹ Tr có giới tính nữ, hiện tại cháu mới hơn 01 tuổi. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về

tâm sinh lý cũng như ổn định cuộc sống cho cháu, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Lê Mỹ Tr cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 quy định “*Cha mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con*”. Căn cứ theo quy định này thì yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T là có cơ sở, nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Về mức cấp dưỡng: Chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng theo quy định định pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là nghĩa vụ của 02 vợ chồng nên chị T và anh L cùng có trách nhiệm trong việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, buộc anh Lê Nguyễn Vũ L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Lê Mỹ Tr (nữ) sinh ngày 25/01/2022 mỗi tháng 745.000 đồng, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất tài sản chung của vợ chồng là nữ trang ngày cưới gồm 6,5 chỉ vàng 24K (loại 98%). Theo Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình về nguyên tắc tài sản chung của vợ chồng được chia đôi. Nên hội đồng xét xử thống nhất chia đôi số nữ trang ngày cưới. Hiện tại anh L đang giữ 6,5 chỉ vàng 24K (loại 98%) nên buộc anh L có trách nhiệm giao trả lại cho chị T 03 chỉ 02 phân 05 ly vàng 24K (loại 98%).

[2.4] Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc đương sự phải nộp theo quy định pháp luật.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ là có căn cứ nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ: Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 9; Điều 14; Điều 51; Điều 53; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị Ngân T và anh Lê Nguyễn Vũ L.

Về con chung: Chị Huỳnh Thị Ngân T được tiếp tục nuôi con chung là cháu Lê Mỹ Tr (nữ), sinh ngày 25/01/2022, cháu Lê Mỹ Tr hiện đang sống với chị Tâm.

Về cấp dưỡng nuôi con : Buộc anh Lê Nguyễn Vũ L cấp dưỡng cho cháu Lê Mỹ Tr mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Huỳnh Thị Ngân T được sở hữu 03 chỉ 02 phân 05 ly vàng 24K (loại 98%), anh L được sở hữu 03 chỉ 02 phân 05 ly vàng 24K (loại 98%). Anh L có trách nhiệm giao lại cho chị T 03 chỉ 02 phân 05 ly vàng 24K (loại 98%).

Về nợ chung: Chị T và anh L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Huỳnh Thị Ngân T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được chuyển từ tạm ứng án phí sang án phí theo lai thu số 0006667 phiếu lập ngày 18/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Án phí cấp dưỡng: Buộc anh Lê Nguyễn Vũ L phải nộp 300.000 đồng.

Án phí chia tài sản chung: Chị Huỳnh Thị Ngân T phải nộp 875.000 đồng, chị Tâm đã nộp 512.500 đồng theo biên lai thu số 0006667 phiếu lập ngày 18/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Như vậy chị Tâm còn phải nộp thêm 362.500 đồng.

Anh Lê Nguyễn Vũ L phải nộp 875.000 đồng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h.Long Mỹ;
- Chi cục THADS h.Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lữ Thành Đồng